

大仁科技大學 115 學年度秋季班新南向產學合作國際專班
餐旅管理系餐飲技術人才學生錄取名單

Tajen University 2026 Fall Semester Industry-Academia Collaboration
Program for International Students

Admission List for Culinary and Hospitality Talents Department of
Hospitality Management

Chương trình hợp tác giữa doanh nghiệp và học thuật dành cho sinh viên
quốc tế, học kỳ mùa thu năm 2026 của Đại học Tajen.

Danh sách trúng tuyển ngành Ẩm thực và Khách sạn, Khoa Quản lý Khách
sạn

經 115 年 7 月 28 日招生委員會審查通過

編號 No.	學制 Degree	中文姓名 Chinese Name	英文姓名 English Name	國籍 Nationality	錄取別 Admitted/Waitlisted Chính thức / dự bị
1	學士 Bachelor Cử nhân	黎○達	LE CUONG DAT	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
2	學士 Bachelor Cử nhân	梁氏○玄	LUONG THI NGOC HUYEN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
3	學士 Bachelor Cử nhân	武氏○翠	VU THI THANH THUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
4	學士 Bachelor Cử nhân	黎○南	LE DINH NAM	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
5	學士 Bachelor Cử nhân	阮○海	NGUYEN MINH HAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
6	學士 Bachelor Cử nhân	阮○瑜	NGUYEN QUANG DU	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
7	學士 Bachelor Cử nhân	阮○元	NGUYEN DINH NGUYEN	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
8	學士 Bachelor Cử nhân	趙氏○妮	TRIEU THI YEN NHI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
9	學士 Bachelor Cử nhân	梁氏○草	LUONG THI PHUONG THAO	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
10	學士 Bachelor Cử nhân	玉○維	NGOC VAN DUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
11	學士 Bachelor Cử nhân	范○慶	PHAM QUOC KHANH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
12	學士 Bachelor Cử nhân	范○映	PHAM THI ANH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
13	學士 Bachelor Cử nhân	阮○胜	NGUYEN DUC THANG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
14	學士 Bachelor	琚○水	CU THI THUY	越南 Vietnam	正取 Admitted

	Cử nhân			Việt Nam	Chính thức
15	學士 Bachelor Cử nhân	麻○水	MA THI THUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
16	學士 Bachelor Cử nhân	黃○草	HOANG THI THAO	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
17	學士 Bachelor Cử nhân	黃○懷	HOANG THI HOAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
18	學士 Bachelor Cử nhân	陽○恆	DUONG THI HANG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
19	學士 Bachelor Cử nhân	阮○飛	NGUYEN TUAN PHI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
20	學士 Bachelor Cử nhân	阮氏○玲	NGUYEN THI PHUONG LINH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
21	學士 Bachelor Cử nhân	朱氏○方	CHU THI THAO PHUONG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
22	學士 Bachelor Cử nhân	裴黎○秀	BUI LE ANH TU	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
23	學士 Bachelor Cử nhân	胖○吧	PHAN VAN BA	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
24	學士 Bachelor Cử nhân	范○巴	PHAM VAN BA	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
25	學士 Bachelor Cử nhân	陳○利	TRAN THI LOI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
26	學士 Bachelor Cử nhân	阮氏○映	NGUYEN THI NGOC ANH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
27	學士 Bachelor Cử nhân	裴○黃	BUI QUANG HOANG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
28	學士 Bachelor Cử nhân	黎○平	LE VAN BINH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
29	學士 Bachelor Cử nhân	阮○輝	NGUYEN VAN HUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
30	學士 Bachelor Cử nhân	劉○才	LUU TIEN TAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
31	學士 Bachelor Cử nhân	潘氏○江	PHAN THI HUONG GIANG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
32	學士 Bachelor Cử nhân	週○南	CHU TRUONG NAM	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
33	學士 Bachelor Cử nhân	武○海	VU HONG HAI	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
34	學士 Bachelor Cử nhân	同○龍	DONG LAM LONG	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức

35	學士 Bachelor Cử nhân	陳河○薇	TRAN HA THAO MY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
36	學士 Bachelor Cử nhân	阮○玲	NGUYEN THI LINH	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
37	學士 Bachelor Cử nhân	阮○輝	NGUYEN NHAT HUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
38	學士 Bachelor Cử nhân	阮○輝	NGUYEN VAN HUY	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
39	學士 Bachelor Cử nhân	阮○日	NGUYEN VAN NHAT	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
40	學士 Bachelor Cử nhân	阮○國	NGUYEN VUONG QUOC	越南 Vietnam Việt Nam	正取 Admitted Chính thức
41	學士 Bachelor Cử nhân	阮○傑	NGUYEN VAN KIET	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
42	學士 Bachelor Cử nhân	阮○武	NGUYEN VAN VO	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
43	學士 Bachelor Cử nhân	阮○英	NGUYEN TUAN ANH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
44	學士 Bachelor Cử nhân	潘鄧○利	PHAN DANG ANH LOI	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
45	學士 Bachelor Cử nhân	阮○江	NGUYEN TRUONG GIANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
46	學士 Bachelor Cử nhân	阮氏○瓊	NGUYEN THI DIEM QUYNH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
47	學士 Bachelor Cử nhân	黎○城	LE DUC THANH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
48	學士 Bachelor Cử nhân	裴○靈	BUI THE LINH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
49	學士 Bachelor Cử nhân	黃○孟	HOANG TRONG MANH	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
50	學士 Bachelor Cử nhân	潘○義	PHAN NGOC NGHIA	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
51	學士 Bachelor Cử nhân	杜○光	DO DUY QUANG	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
52	學士 Bachelor Cử nhân	阮氏○玄	NGUYEN THI THANH HUYEN	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
53	學士 Bachelor Cử nhân	韋氏○慧	VI THI THU HUE	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
54	學士 Bachelor Cử nhân	陶氏○賢	DAO THI THU HIEN	越南 Vietnam Việt Nam	備取 Waitlisted Dự bi
55	學士 Bachelor	潘○尚	PHAN TAN SANG	越南 Vietnam	備取 Waitlisted Dự

	Cử nhân			Việt Nam	bi
--	---------	--	--	----------	----

